SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐĂK LĂK
TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/KH-TNT

Ea Kar, ngày 25 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH
Tuyển sinh lớp 10 năm học 2023-2024

- Thực hiện Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh;

- Căn cứ quyết định số 223/QĐ-SGDĐT, ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Sở Giáo dục – Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2023- 2024 đối với các trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện;

- Căn cứ Công văn số 640/SGDĐT-GDTrH-GDTX, ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Sở Giáo dục – Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh lớp 10 năm học 2023- 2024;

- Căn cứ quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar về phân tuyến tuyển sinh cho các trường THPT, TTGDNN-GDTX trên địa bàn huyện Ea Kar năm học 2023-2024;

- Căn cứ vào thực tế về đội ngũ giáo viên, điều kiện CSVC của trường trong năm học 2023 – 2024. Trường THPT Trần Nhân Tông xây dựng Kế hoạch tuyển sinh và định hướng tư vấn lựa chọn tổ hợp môn cho việc thực hiện chương trình lớp 10 năm học 2023 – 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tuyển sinh học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) vào học trung học phổ thông (THPT).

1.2. Thực hiện phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong trường THPT.

2. Yêu cầu

2.1. Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT; kết quả tuyển sinh phải đảm bảo chính xác, công bằng và khách quan.

2.2. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý, xử lý dữ liệu và lưu trữ hồ sơ tuyển sinh; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học, được sự đồng thuận cao của cha mẹ học sinh và toàn xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh và nguyên tắc tính điểm xét tuyển

1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh được giao năm học 2023-2024 là: **350** học sinh với **08** lớp 10

1.2. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển

a) Phương thức nộp hồ sơ: Học sinh đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Trung tâm hành chính công tỉnh trong khoảng thời gian quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Học sinh chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin đã khai báo. Khi làm thủ tục nhập học, nhà trường yêu cầu học sinh trúng tuyển nộp bản chính các loại hồ sơ để đối chiếu. Các trường THCS chịu trách nhiệm hỗ trợ học sinh rà soát, đối chiếu dữ liệu của học sinh đơn vị mình khi đăng ký.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn, thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ cho thí sinh thông qua thư điện tử mà thí sinh đã đăng ký để xác nhận đủ điều kiện dự tuyển hoặc cần phải điều chỉnh, bổ sung.

1.3. Nguyên tắc tính điểm xét tuyển:

Xét tuyển (xét theo kết quả học tập và hạnh kiểm 4 năm học THCS). Cụ thể:

1.3.1. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh THCS được tính như sau:

- Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 10 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 9,0 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực khá: 8,0 điểm.
- Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 7,0 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 6,0 điểm.
- Các trường hợp còn lại: 5,0 điểm.

1.3.2. Điểm xét tuyển là tổng điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 04 năm học ở THCS và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên.

1.3.3. Nguyên tắc xét tuyển: Xét theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có điểm trung bình các môn học cả năm ở lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình của môn Toán môn Ngữ văn và môn

Ngoại ngữ cả năm ở lớp 9 cao hơn. Nếu vẫn còn trường hợp bằng điểm nhau thì Hội đồng tuyển sinh nhà trường thảo luận để thống nhất quyết định.

2. Địa bàn và tuyến tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp THCS chương trình phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên trong độ tuổi quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn huyện Ea Kar gồm: Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi; Trường THCS Cao Bá Quát; Trường THCS Lý Tự Trọng; Trường THCS DTNT EaKar hoặc học sinh đã tốt nghiệp THCS chương trình phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên trong độ tuổi quy định có hộ khẩu thường trú thuộc các xã Ea Đar; Ea Sar; Ea Sô (*theo quyết định số 227 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar về phân tuyến tuyển sinh cho các trường THPT, TTGDNN-GDTX trên địa bàn huyện Ea Kar năm học 2023-2024*)

3. Hồ sơ tuyển sinh bao gồm:

a) Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

b) Bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời chương trình phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp THCS trong năm dự tuyển.

(Nếu các trường THCS chưa cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời thì các trường THPT tổ chức thi tuyển căn cứ vào điều kiện dự tuyển để quyết định cho học sinh đăng ký. Sau khi học sinh trúng tuyển, nhà trường yêu cầu nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời).

c) Học bạ THCS.

d) Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

4. Kế hoạch thời gian tuyển sinh

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Ghi chú
1	Trước 21/5/2023	Công bố Kế hoạch tuyển sinh; gửi tờ trình đề nghị Sở GDĐT ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh	
2	Từ 25/5/2023 đến 31/5/2023	- Các trường THCS hướng dẫn, tổ chức cho học sinh nộp hồ sơ trực tuyến - Khảo sát việc lựa chọn môn học, cụm chuyên đề lựa chọn khi học sinh vào học lớp 10 (phụ lục 1) tại các trường THCS	
3	Từ 01/6/2023 đến 02/6/2023	**- Các trường THPT (được Sở GD&ĐT phân công) cùng với trường THCS tiến hành: kiểm tra, đối chiếu dữ liệu trên hệ thống với hồ sơ HS**	

		đang lưu giữ tại trường THCS; thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ, dữ liệu cho thí sinh; Lập biên bản gửi Sở GD&ĐT. -Các trường THCS gửi kết quả Khảo sát việc lựa chọn môn học, cụm chuyên đề lựa chọn khi học sinh vào học lớp 10 về các trường THPT.	
4	Từ 03/6/2023	Điều chỉnh dữ liệu đăng ký trên hệ thống	
5	Từ 04/6 10/7/2023	Học sinh tốt nghiệp THCS ngoài tỉnh nộp hồ sơ đăng ký trên hệ thống	
6	Từ 11/7/2023 đến 15/7/2023	Hội đồng tuyển sinh của các trường tổ chức xét tuyển, dự kiến số lượng và điểm chuẩn trúng tuyển, nộp hồ sơ xét tuyển về Sở GDĐT để duyệt.	

5. Chế độ tuyển thẳng

Học sinh được tuyển thẳng vào các trường THPT công lập theo phân tuyến trên địa bàn cấp huyện đối với các đối tượng sau:

- Học sinh trường phổ thông DTNT của huyện, thị xã, thành phố đã tốt nghiệp THCS.
- Học sinh là người dân tộc rất ít người (thực hiện theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người, gồm 16 dân tộc: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ơ Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ).
- Học sinh khuyết tật (có giấy chứng nhận khuyết tật theo Điều 19 của Luật Người khuyết tật năm 2010).
- Học sinh đoạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học.

6. Chế độ ưu tiên

a) Chế độ cộng điểm ưu tiên chỉ áp dụng đối với trường THPT không chuyên. Những học sinh có nhiều chế độ ưu tiên khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại ưu tiên cao nhất.

b) Chế độ cộng điểm ưu tiên thực hiện cho các loại đối tượng tại khoản 2, Điều 7 của Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo được quy định như sau: Nhóm đối tượng 1 cộng 2,0 điểm; Nhóm đối tượng 2 cộng 1,5 điểm và Nhóm đối tượng 3 cộng 1,0 điểm.

c) Đối với quy định người học đang sinh sống, học tập ở các vùng (xã, thôn) có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nếu tại địa bàn sinh sống không có trường

THCS, học sinh phải học tập ở địa bàn khác thì vẫn hưởng chế độ ưu tiên. Xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 433/QĐ-UBDT ngày 14/6/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

7. Nội dung chương trình và kế hoạch giáo dục cấp THPT năm 2018

7.1. Nội dung giáo dục

a) Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc:

Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Lịch sử; GD thể chất; GDQP và AN; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

b) Các môn học lựa chọn gồm:

Địa lí, GD kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, ,Âm nhạc, Mĩ thuật.

Học sinh lựa chọn 4 môn học từ các môn học lựa chọn.

c) Các chuyên đề học tập:

Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho học sinh trung học phổ thông, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi tổ hợp học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Việc xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

7.2. Thời lượng giáo dục

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Môn học bắt buộc (5)	Ngữ văn	105
	Toán	105
	Ngoại ngữ 1	105
	Lịch sử	52
	Giáo dục thể chất	70

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
	GDQP và AN	35
Môn học lựa chọn (từ 3 nhóm)		
Nhóm môn khoa học xã hội (2 môn)	Địa lí	70
	GD kinh tế và pháp luật	70
Nhóm môn khoa học tự nhiên (3 môn)	Vật lí	70
	Hoá học	70
	Sinh học	70
Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật (4 môn)	Công nghệ	70
	Tin học	70
	Âm nhạc	70
	Mĩ thuật	70
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)		105
Hoạt động GD bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, HN	105
Nội dung GD bắt buộc của địa phương		35
Môn học tự chọn		
Tiếng dân tộc thiểu số		105
Ngoại ngữ 2		105
Tổng số tiết học/năm học (trừ các môn học tự chọn)		997
Số tiết học TB/tuần (không kể các môn học tự chọn)		28,5

8. Dự kiến số lớp theo các tổ hợp môn lựa chọn, chuyên đề học tập

TT	Tổ hợp môn lựa chọn	Số lớp dự kiến	Số lượng học sinh tối đa	Chuyên đề học tập	Phương án tuyển sinh xếp lớp
1	**TỔ HỢP 1** Vật lí, Hóa học, Sinh học và Tin học.	1	40	Vật lí; Hóa học Sinh học	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.

TT	Tổ hợp môn lựa chọn	Số lớp dự kiến	Số lượng học sinh tối đa	Chuyên đề học tập	Phương án tuyển sinh xếp lớp
2	**TỔ HỢP 2** Vật lí, Hóa học, Sinh học và Tin học.	1	40	Toán Vật lí; Tin học	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
3	**TỔ HỢP 3** Vật lí, Hóa học, Sinh học và Tin học.	2	90	Toán Vật lí; Hóa học	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
4	**TỔ HỢP 4** Địa lí; GD Kinh tế - pháp luật, Sinh học, Công nghệ trồng trọt.	2	90	Ngữ văn Lịch sử Địa lý	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
5	**TỔ HỢP 5** Địa lí; GD Kinh tế - pháp luật, Vật lý, Công nghệ thiết kế và công nghệ.	2	90	Toán Ngữ văn Lịch sử	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.

9. Cách tổ chức lớp học

Mỗi học sinh đăng ký tối đa 3 nguyện vọng (NV1, NV2, NV3) về việc chọn tổ hợp môn học. Tùy theo điều kiện thực tế đăng kí, việc bố trí lớp học theo tổ hợp môn có thể có những sự điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và nguồn lực của nhà trường, đảm bảo tạo thuận lợi nhất cho học sinh và nhà trường để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2023– 2024.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hội đồng tuyển sinh lớp 10 Trường THPT Trần Nhân Tông năm học 2023 – 2024 có trách nhiệm tuyên truyền phổ biến kế hoạch tuyển sinh đến toàn thể đối tượng tuyển sinh trong tuyến tuyển sinh. Thực hiện đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh Đắk Lắk, sở GDĐT và của huyện Ea Kar.

Kế hoạch và kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2023 – 2024 của trường THPT Trần Nhân Tông được đăng công khai trên trang web nhà trường tại địa chỉ: *http://c3trannhantong.daklak.edu.vn*, trên fanpage nhà trường tại địa chỉ: *https://www.facebook.com/thpttrannhantongeakar* và dán công khai trên bảng tin nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh và định hướng tư vấn lựa chọn tổ hợp môn cho việc thực hiện chương trình lớp 10 năm học 2023 – 2024 của trường THPT Trần Nhân Tông. Một số nội dung của kế hoạch có thể được điều chỉnh để phù hợp với nguyện vọng của học sinh sau khi trúng tuyển vào lớp 10 của trường.

Nơi nhận:
- Sở GD-ĐT (b/c);
- Các trường THCS (phối hợp);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Hiệu trưởng



Trương Công Hữu

Phụ lục 1

Trường THCS……..

PHIẾU KHẢO SÁT VIỆC LỰA CHỌN MÔN HỌC, CỤM CHUYÊN ĐỀ LỰA CHỌN KHI HỌC SINH VÀO HỌC LỚP 10 TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG NĂM HỌC 2023-2024

- GVCN Hướng dẫn HS chọn nguyện vọng tổ hợp môn lựa chọn và cụm chuyên đề học tập như VD dưới đây (thứ tự nguyện vọng lựa chọn ưu tiên là NV1; NV2; NV3)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	LỰA CHỌN MÔN HỌC, CỤM CHUYÊN ĐỀ					Chữ ký HS
				Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4	Tổ hợp 5	
VD	**Nguyễn Văn A**	**14/4/2009**	**9A2**	**NV1**	**NV2**		**NV3**		
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									
13									
14									
15									
16									
17									
18									
19									
20									
21									
22									
23									
24									
25									
26									

27									
28									
29									
30									
31									
32									
33									
34									
35									
36									
37									

GVCN

Họ và tên: …….

Số điện thoại liên hệ:……)

GHI CHÚ: **Các tổ hợp môn lựa chọn, chuyên đề học tập**

TT	Tổ hợp môn lựa chọn	Số lớp dự kiến	Số lượng học sinh tối đa	Chuyên đề học tập	Phương án tuyển sinh xếp lớp
1	**TỔ HỢP 1** Vật lí, Hóa học, Sinh học và Tin học.	1	40	Vật lí; Hóa học Sinh học	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
2	**TỔ HỢP 2** Vật lí, Hóa học, Sinh học và Tin học.	1	40	Toán Vật lí; Tin học	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
3	**TỔ HỢP 3** Vật lí, Hóa học, Sinh học và Tin học.	2	90	Toán Vật lí; Hóa học	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
4	**TỔ HỢP 4** Địa lí; GD Kinh tế - pháp luật, Sinh học, Công nghệ trồng trọt.	2	90	Ngữ văn Lịch sử Địa lý	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.
5	**TỔ HỢP 5** Địa lí; GD Kinh tế - pháp luật, Vật lý, Công nghệ thiết kế và công nghệ.	2	90	Toán Ngữ văn Lịch sử	Xét tổng điểm TB cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp và điểm tuyển sinh lớp 10.